

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2025

"V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Bình

Ông Lê Văn Khanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc "ly hôn, nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Phạm Vũ L**, sinh ngày 04/5/1999

- **Bị đơn:** Chị **Trần Mai T**, sinh ngày 28/7/1999

Cùng địa chỉ: ấp H, xã A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phạm Vũ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2020, anh và chị T tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hòa hợp nên thường xảy ra cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2025 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung nên anh xin ly hôn với chị T để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh và chị T có hai người con chung là Phạm Huỳnh Thế K , sinh ngày 15/02/2021 và Phạm Huỳnh Mỹ A, sinh ngày 04/5/2024, hiện các con anh đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Trong quá trình tố tụng bị đơn chị Trần Mai T trình bày:

Chị và anh L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2020, đến năm 2022 đăng ký kết hôn theo quy định pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh, chị không hòa hợp nhau nên thường xảy ra cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, nên đã ly thân nhau từ 8/2025 cho đến nay.

Anh L xin ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn với anh L .

Về con chung: Anh chị có hai người con chung là Phạm Huỳnh Thế K , sinh ngày 15/02/2021 và Phạm Huỳnh Mỹ A, sinh ngày 04/5/2024. Khi ly hôn, chị đồng ý giao các con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Vũ L và bị đơn chị Trần Mai T đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được, đồng thời chị T cũng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án được xác định thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L và chị T .

[2] Về quan hệ hôn nhân, anh L và chị T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Kiên

Giang (nay là UBND xã A, tỉnh An Giang) vào năm 2022 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, anh L cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hòa hợp nhau, thường xảy ra cự cãi, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2025 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung nên anh xin ly hôn với chị T. Còn chị T cũng cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh, chị không hòa hợp nhau nên thường xảy ra cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, nên đã ly thân nhau từ 8/2025 cho đến nay. Anh L xin ly hôn với chị, chị cũng đồng ý ly hôn với anh.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị T không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân nhau một thời gian nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L với chị T.

[4] Về con chung: Anh chị có hai người con chung là Phạm Huỳnh Thế K, sinh ngày 15/02/2021 và Phạm Huỳnh Mỹ A, sinh ngày 04/5/2024, hiện các con anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh L có đủ điều kiện nuôi con, chị T cũng tự nguyện giao các con cho anh L nuôi dưỡng, đồng thời cũng phù hợp với lợi ích của các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận để anh L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con. Chị T có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh L vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh L và chị T xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh L và chị T xác định anh chị không có tài sản chung, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí, nguyên đơn anh L phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Vũ L được ly hôn với chị Trần Mai T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Huỳnh Thế K, sinh ngày 15/02/2021 và cháu Phạm Huỳnh Mỹ A, sinh ngày 04/5/2024 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh L vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về nợ chung: Anh L và chị T xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh L và chị T xác định không có, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Phạm Vũ L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0005968 ngày 23/10/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh